TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2019/DS-PT
Ngày: 12-12-2019
V/v tranh chấp "Quyền sử dụng đất và Yêu cầu trả lại hiện trạng lối đi chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo

Ông Cao Minh Lễ

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 197/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2019, về việc tranh chấp "Quyền sử dụng đất và Yêu cầu trả lại hiện trạng lối đi chung".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2019/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019, của Toà án nhân dân thành phố CĐ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 199/2019/QĐPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1932, nơi cư trú: tổ 10, khóm CL, phường CP, thành phố CĐ, tỉnh An Giang; có ông Trương Anh T, sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ 1, khóm CL, phường CP, thành phố CĐ đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 31/12/2015 tại Văn phòng công chứng Công Quyền). (Có mặt)

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Có Luật sư Lê Văn Ph Văn phòng luật sư Lê Văn Ph thuộc đoàn luật sư tỉnh An Giang (Có mặt)

2. Đồng bị đơn:

2.1. Bà Lý Mỹ Ng, sinh năm 1956;

2.2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1947 (chết ngày 20/4/2017), kế thừa quyền

và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn B gồm:

- Bà Lý Mỹ Ng, sinh năm 1956;

- Ông Nguyễn Trường H1, sinh năm 1979; (con ông B)

- Ông Nguyễn Trường X, sinh năm 1981; (con ông B)

Cùng cư trú: Tổ 10, khóm Cl, phường CP, thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

Bà Lý Mỹ Ng, ông Nguyễn Trường H1 và ông Nguyễn Trường X ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc Ch, sinh năm 1980, nơi cư trú: Tổ 22, ấp PQ, xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang đại diện tham gia tố tụng (giấy ủy quyền ngày 14/01/2016 tại Phòng công chứng số 2 tỉnh An Giang; giấy ủy quyền ngày 24/7/2017 tại Văn phòng công chứng Cao Thị Hồng C; giấy ủy quyền ngày 28/7/2017 tại Phòng công chứng số 2 tỉnh An Giang). (Có mặt)

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Vương Cẩm P, sinh năm 1953; nơi cư trú: tổ 01, khóm CQ, phường CP, thành phố CĐ, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

3.2. Bà Trương Thị Kim N, sinh năm 1955; nơi cư trú: Tổ 10, khóm CL, phường CP, thành phố CĐ. (Có mặt)

3.3. Bà Trương Thị Th, sinh năm 1962; nơi cư trú: tổ 10, khóm CL, phường CP, thành phố CĐ. (Vắng mặt)

3.4. Ủy ban nhân dân thành phố CĐ. (Vắng mặt)

4. Những người tham gia tố tụng khác:

4.1. Ông Huỳnh V, sinh năm 1951; nơi cư trú: Tổ 10 đường HD, khóm CL, phường CP, thành phố CĐ. (Có mặt)

4.2. Ông Diệp Văn Tr; nơi cư trú: tổ 10, khóm CL, phường CP, thành phố CĐ; (Vắng mặt)

4.3. Ông Nguyễn Thành Ngh, sinh năm 1956; nơi cư trú: số 182 khóm CQ 1, phường CP, thành phố CĐ; (Vắng mặt)

4.4. Ông Lê Văn H2, sinh năm 1963; nơi cư trú: số 291 đường HD, khóm CL, phường CP, thành phố CĐ; (Vắng mặt)

4.5. Ông Phan Văn M, sinh năm 1959; nơi cư trú: số 273 đường HD, khóm CL, phường CP, thành phố CĐ; (Vắng mặt)

4.6. Ông Lê Thành Đ, sinh năm 1955; nơi cư trú: tổ 8, khóm CL 8, phường CP, thành phố CĐ; (Vắng mặt)

4.7. Ông Lưu Hoài K, nơi cư trú: tổ 10, khóm CL, phường CP, thành phố CĐ; (Vắng mặt)

4.8. Ông Lê Hữu P1, sinh năm 1947; nơi cư trú: khóm CL, phường CP, thành phố CĐ; (Vắng mặt)

4.9. Ông Đặng Văn D, sinh năm 1945; nơi cư trú: Tổ 2, khóm CL, phường CP, thành phố CĐ. (Vắng mặt)

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Vào năm 1976, nguyên đơn được Nhà nước cấp cho thửa đất để làm lúa phục vụ nông Ngh – đất tọa lạc tại tổ 10, khóm CL, phường CP, thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

Năm 1986, không có nước tưới tiêu, nguyên đơn chuyển mục đích sử dụng đất từ trồng lúa sang làm vườn và cất nhà ở. Năm 2014, nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số: CH09637, CH09638, CH09639, CH09640 do Ủy ban nhân dân thành phố CĐ cấp ngày 21/3/2014, gồm các thửa:

- Thửa số 12: diện tích 868,1m^2, đất nuôi trồng thủy sản;

- Thửa số 13: diện tích 1.533,7m^2, đất trồng cây lâu năm;

- Thửa số 14: diện tích 342,7m^2, đất nuôi trồng thủy sản;

- Thửa số 15: diện tích 818,7m^2, đất nuôi trồng thủy sản.

Từ khi được cấp đất vào năm 1976, nguyên đơn có sử dụng lối đi chung để làm đường đi ra đường lớn - quốc lộ 91 (nay là đường HD), phần đất lối đi chung này hiện nay đã được cấp quyền sử dụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Lý Mỹ Ng. Lối đi chung có diện tích 60m^2 (ngang 2m x dài 30m). Năm 2014, bị đơn cho ông Vương Cẩm P thuê đất để mở cơ sở thu mua phế liệu và đã rào chắn lại lối đi chung, không cho nguyên đơn sử dụng lối đi chung để đi ra đường. Hiện tại, ngoài lối đi này, nguyên đơn không còn lối đi nào khác. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại hiện trạng lối đi chung.

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung. Theo đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lý Mỹ Ng cùng đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn B gồm các ông, bà: Lý Mỹ Ng, Nguyễn Trường H1 và Nguyễn Trường X có trách nhiệm tháo dỡ rào chắn trả lại hiện trạng lối đi chung có diện tích là 78,2m^2 được giới hạn tại các điểm: 3, 4, 34, 37, 38, 19, 39 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh CĐ lập ngày 18/8/2016.

Đồng thời, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) CĐ đã cấp cho bị đơn – Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02046/QSD Đ/bE, cấp ngày 30/11/2004, điều chỉnh ngày 01/6/2006. Theo nguyên đơn, phần diện tích đất bị đơn được cấp quyền sử dụng đất đã bao gồm luôn lối đi chung mà nguyên đơn đã sử dụng từ năm 1976.

Bị đơn trình bày: diện tích đất lối đi mà nguyên đơn tranh chấp và chỉ ranh xác định là thuộc phần đất mà bị đơn đã được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) CĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 30/11/2004, diện tích 1.153,3m^2, cấp điều chỉnh ngày 01/6/2006. Nguồn gốc đất do bị đơn nhận chuyển nhượng đất hầm của ông Đặng Văn D vào ngày 18/01/1986. Trước đây vào năm 2010, bị đơn có tự nguyện cho nguyên đơn đi nhờ trên đất, chiều ngang 01m, chiều dài hết đất, khi nào có nhu cầu sử dụng thì nhận lại đất để sử dụng. Đến năm 2015, bị đơn có nhu cầu nhận lại đất cho đi nhờ để sử dụng nên đã nhận lại đất để sử dụng. Ngoài lối đi này thì nguyên đơn vẫn còn lối đi khác để đi ra đường chính.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Vương Cẩm P cho biết, việc tranh chấp đất giữa nguyên đơn và bị đơn thế nào ông không có ý kiến. Nếu Tòa án giao trả lại lối đi chung cho nguyên đơn, ông sẽ tự nguyện tháo dỡ các vật kiến trúc trên đất để trả lại hiện trạng lối đi cho nguyên đơn.

Bà Trương Thị Kim N và Trương Thị Th thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn giao trả lại hiện trạng lối đi chung từ trước đến nay để gia đình có lối đi vào nhà, không yêu cầu nào khác.

Tại Công văn số 3541/UBND-NC ngày 25/12/2017, Ủy ban nhân dân thành phố CĐ có ý kiến:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02046/QSD Đ/bE, cấp ngày 30/11/2004 cho ông B, bà Ng được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật. Ủy ban thành phố không có cơ sở để xem xét thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2019/DS-ST ngày 22-8-2019 của Toà án nhân dân thành phố CĐ đã xử:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02046/QSD Đ/bE, cấp ngày 30/11/2004, điều chỉnh ngày 01/6/2006 của Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) CĐ.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bị đơn bà Lý Mỹ Ng và đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn B gồm các ông, bà: Lý Mỹ Ng, Nguyễn Trường H1 và Nguyễn Trường X (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn B) trả lại hiện trạng lối đi chung.

Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 29/8/2019, Bà Nguyễn Thị H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố CĐ.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Phần phát biểu tranh luận:

Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn: Khẳng định tranh chấp lối đi chung; trong hồ sơ không xác định nguồn gốc đất của ông D khi chuyển nhượng cho ông B; xác định đây là lối đi chung công cộng có từ năm 1976 đến nay; nên tranh chấp này là lối đi chung đã có sẵn; bị đơn cũng thừa nhận có cho các hộ phía sau đi nhờ; lối đi này trước đây nhiều hộ đi, nhưng sau đó chỉ còn một hộ bà H đi thôi; cấp sơ thẩm chưa làm rõ nguồn gốc đất của ông D trước đây có được từ đâu; trong khi lối đi này tồn tại từ năm 1976; ông Ngh khai rất rõ là đất có lối đi chung, cũng chưa làm rõ và nguồn gốc đất của Cty Lương thực có được là từ đâu, mới biết có lối đi chung hay không. Tại sao mua đất từ ông D bao nhiêu mét vuông không thể hiện, mà lại cấp cho ông B bao nhiêu mét vuông cũng chưa được làm rõ. Từ đó mới có cơ sở xác định lối đi này thuộc đất của ông B hay là lối đi chung công cộng tồn tại từ lâu đời cũng chưa được làm rõ. Nguyên đơn xác định là lối đi chung từ lâu nên yêu cầu trả lại hiện trạng ban đầu. Còn nếu bị đơn chứng minh mua đất của ông D và được cấp giấy ngay tình không có lối đi chung thì nguyên đơn đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất cho bị đơn. Đối với lời khai của nhân chứng mâu thuẫn không có cơ sở pháp lý, chỉ mang tính tham khảo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, để điều tra xác minh giải quyết lại vụ án;

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn phát biểu: Nguyên đơn kháng cáo xác định tranh chấp lối đi chung; về nguồn gốc đất tranh chấp cũng được cấp sơ thẩm xác minh rất rõ ràng, là thuộc quyền sử dụng của ông B, bà Ng; hồ sơ cấp đất cho ông B khi kê khai cũng khai rõ ràng là chuyển nhượng từ ông D đất ao hầm, khi đăng ký kê khai ký tứ cận có bà Trương Thị Kim N là con bà H xác nhận ký tứ cận; việc nguyên đơn nại ra cấp giấy cho ông B, bà Ng không biết là không có căn cứ. Ủy ban nhân dân thành phố CĐ trả lời việc cấp giấy cho ông B, bà Ng là đúng trình tự thủ tục và đúng pháp luật; lời khai của ông D là người bán đất cho ông B xác định không có lối đi chung. Ngoài ra, những người làm chứng khác cũng khai không xác định có lối đi chung; Cấp sơ thẩm đã xác minh đầy đủ và làm rõ chứng cứ; nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ y án sơ thẩm; Đối với yêu cầu của nguyên đơn nếu đất ông B sử dụng hợp pháp thì hoàn giá trị là vượt quá yêu cầu, không nằm trong nội dung kháng cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Tranh luận:

Luật sư bảo vệ nguyên đơn: Đất của ông D có nguồn gốc từ đâu và chuyển nhượng cho ông B diện tích bao nhiêu mét vuông chưa được làm rõ; còn phần lối đi chung này nó tồn tại từ lâu được mọi người thừa nhận; còn nếu có căn cứ có lối đi chung, nhưng hiện nay đất được cấp cho bị đơn hợp pháp thì có thể buộc nguyên đơn trả lại giá trị đất cho bị đơn thì cũng nằm trong yêu cầu kháng cáo và nội dung tranh chấp, để tránh kéo dài vụ án;

Đại diện ủy quyền bị đơn: Nguyên đơn luôn xác định có lối đi chung nhưng không đưa ra chứng cứ, để chứng minh lối đi chung này được mọi người biết và công nhận; khi ông D chuyển nhượng cho ông B cũng nói hầm cá và ông B kê khai

cũng thể hiện có ao hầm; không thể hiện có lối đi chung; quá trình sử dụng bị đơn đã nâng cấp, bơm cát thành hiện trạng như hiện nay cũng không có ai khiếu nại, phản đối gì cả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án xét thấy cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới, nên không có căn cứ xem xét; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ y án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H nộp đơn kháng cáo hợp lệ, bà thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Các đương sự vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần 2 những vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 296 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử theo thủ tục chung.

[3] Nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bà Lý Mỹ Ng và đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn B gồm các ông, bà: Lý Mỹ Ng, Nguyễn Trường H1 và Nguyễn Trường X trả lại hiện trạng lối đi chung; vì bà H cho rằng lối đi chung diện tích là 78,2m^2 gia đình bà H sử dụng đã tồn tại từ năm 1976 đến nay; gia đình bà Ng, ông B cho ông P thuê đã rào chắn lối đi chung, nên gia đình bà H không sử dụng được, không còn lối đi khác. Bị đơn bà Ng cho rằng lối đi nguyên đơn khởi kiện không phải lối đi chung mà là lối đi do bà H hỏi đi nhờ từ năm 2010, để đủ thủ tục được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H. Đất bà Ng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất luôn cả phần đất cho bà H mượn làm lối đi, nên không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, do không đồng ý quyết định của án sơ thẩm; bà H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung án sơ thẩm.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H cùng chứng cứ có trong hồ sơ thì thấy, nguyên đơn khai nguồn gốc đất sử dụng được Nhà nước cấp cho thửa đất để làm lúa phục vụ nông Ngh, tọa lạc tại tổ 10, khóm CL, phường CP, thành phố CĐ, tỉnh An Giang. Năm 1986, không có nước tưới tiêu, nên chuyển mục đích sử dụng đất từ trồng lúa sang làm vườn và cất nhà ở. Năm 2014 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Còn bị đơn khai nguồn gốc đất của bị đơn là

do nhận chuyển nhượng đất hầm của ông Đặng Văn D vào ngày 18/01/1986. Trước đây vào năm 2010, bị đơn có tự nguyện cho nguyên đơn đi nhờ trên đất, chiều ngang 01m, chiều dài hết đất, khi nào có nhu cầu sử dụng thì nhận lại đất để sử dụng. Đến năm 2015, bị đơn có nhu cầu nhận lại đất cho đi nhờ để sử dụng nên đã nhận lại đất để sử dụng. Ngoài lối đi này thì nguyên đơn vẫn còn lối đi khác để đi ra đường chính.

[4.1] Những người làm chứng có biết sự việc: Ông Huỳnh Thanh H3 khai, từ tháng 3 năm 2015, tôi về làm Trưởng khóm CL, tôi biết trên đất ông B bà Ng không có lối đi nào; còn trước đây (trước 3/2015) gia đình bà H có đi trên đất của ông B, bà Ng (BL 140). Ông Huỳnh V khai, năm 2000, khi tôi mua đất của ông B cất nhà ở thì thấy có một lối đi cho các hộ dân phía sau, không xác định lối đi công cộng hay lối đi do ông B chừa (BL 139). Ông Nguyễn Thành Ngh khai, xác định cho biết xung quanh kho chứa lúa trước đây là đất trống, còn đất của ai hay lối đi chung tôi hoàn toàn không biết, "câu nói lối đi chung" do ông Tuấn đọc cho tôi ghi (BL 137). Ông Lê Văn H2 khai, ở từ 1980 giữa hai phần đất bà H với ông B có lối đi chung hay không thì không biết (BL 136). Ông Lê Văn M khai, nguồn gốc đất ông B mua của ông D là hầm cá, trước đây hầm cá của ông D có chừa bờ đê để đi lại nuôi cá, không có lối đi chung, những người làm ruộng phía sau đi nhờ trên đất có cho bà H đi nhờ trên đất (BL 135). Ông Lê Thành Đ khai, khi ông D nuôi cá có bờ hầm ngang 1m để đi lại nuôi cá, một số người làm ruộng phía sau cũng có đi nhờ bờ hầm này ra ruộng; bờ hầm này không phải lối đi chung (BL 134). Ông Lê Hữu P1 là Trưởng khóm CL, phường B, thành phố Châu Đốc khai, nguồn gốc đất của bà H là đất ruộng, biết rõ đất của ông B, bà Ng không có lối đi chung; bà H ở phía sau có đi nhờ trên đất của ông B bà Ng (BL 133).

[4.2] Lời khai những người làm chứng phù hợp với tờ ưng thuận lập ngày 01/9/2010 do chính ông B viết có nội dung "tôi đồng ý cho các hộ: Bà H, Kim N, Th và Th1 lối đi nhờ" và ông Đặng Văn D khai có chuyển nhượng đất cho ông B khi tôi sử dụng và khi chuyển nhượng cho ông B trên đất không có lối đi chung (BL 132).

[4.3] Kết quả đo đạc ngày 18/8/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CĐ diện tích đất 78,2m^2 tại các điểm 3, 4, 34, 37, 38, 19 và 39 mà nguyên đơn khởi kiện cho rằng lối đi chung là nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02046/bE ngày 30/11/2004 do Ủy ban nhân dân thành phố CĐ cấp cho ông B, bà Ng.

[4.4] Tại Công văn số 3541/UBND-NC ngày 25/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố CĐ trả lời: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B bà Ng thực hiện đúng trình tự và quy định của pháp luật.

[4.5] Theo bản đồ địa chính phường CP lập, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang duyệt ngày 26/12/2004 và bản trích đo địa chính do Văn phòng lập ngày 15/01/2014 thì vị trí các thửa đất số 12, 13, 14, 15 tờ bản đồ số 53 khi cấp giấy cho bà H không chừa lối đi; thửa số 13, 15 tiếp giáp với đất ông B, bà Ng không có lối đi công cộng;

[4.6] Mặt khác, khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, chính bà Trương Thị Kim N là con của bà H có ký tên vào biên bản mốc ranh tứ cận, để ông B được cấp giấy và quá trình sử dụng đất ông B có trồng nhiều cây trên đất và nâng cấp bơm cát cũng không ai khiếu nại, phản đối trên phần đất tranh chấp; nên việc nguyên đơn khai nại không biết và cho rằng lối đi chung công cộng là không có căn cứ.

[5] Theo biên bản xác minh thì hiện tại gia đình bà H còn lối đi khác, chứ không chỉ duy nhất có lối đi này. Tuy nhiên, theo Điều 254 của Bộ luật dân sự 2015 có quy định: Chủ sở hữu bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xác định trả lại lối đi chung, chứ không tranh chấp quyền sử dụng đất nhưng không cung cấp chứng cứ, tài liệu gì mới có giá trị pháp lý cho yêu cầu kháng cáo, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét; cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, cần giữ y án như đề nghị của Viên kiểm sát tại phiên tòa.

[7] Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí phúc thẩm: Bà H thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số:17/2019/DS-ST ngày 22/8/2019 của Toà án nhân dân thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02046/QSD Đ/bE, cấp ngày 30/11/2004, điều chỉnh ngày 01/6/2006 của Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) CĐ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bị đơn bà Lý Mỹ Ng và đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn B gồm các

ông, bà: Lý Mỹ Ng, Nguyễn Trường H1 và Nguyễn Trường X (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn B) trả lại hiện trạng lối đi chung.

3. Chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu 1.315.000 đồng chi phí tố tụng (xem xét, thẩm định tại chỗ - đo đạc hiện trạng đất tranh chấp) nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.315.000 đồng mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng. Nguyên đơn đã nộp đủ chi phí tố tụng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho nguyên đơn 500.000 (*năm trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2014/0001858 ngày 04/01/2016 (200.000 đồng) và biên lai thu số TU/2015/0014672 ngày 06/9/2017 (300.000 đồng) của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố CĐ.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí phúc thẩm.

6. Những Quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố CĐ, tỉnh An Giang, không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND Huyện;
- THA Huyện;
- Toà Dân sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV&THA;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn